TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN YÊN THÀNH
TỈNH NGHỆ AN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 03/2018/HNGĐ-ST
Ngày 25 tháng 01 năm 2018
"V/việc tranh chấp về hôn nhân gia đình"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN THÀNH - TỈNH NGHỆ AN

- *Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Anh Ngọc

Các hội thẩm nhân dân: Ông Trần Văn Hân - Bà Phạm Thị Thành.

- *Thư ký phiên tòa*: Ông Nguyễn Bá Kiên - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Yên Thành - tỉnh Nghệ An.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân H. Yên Thành - tỉnh Nghệ An tham gia phiên toà:* Ông Phan Lê Tời - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 01 năm 2018 tại Tòa án nhân dân huyện yên Thành, tỉnh Nghệ An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 302/2017/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 11 năm 2017 về tranh chấp Hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2018/QĐXX-ST ngày 15 tháng 01 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Phan Thị T, sinh ngày 15/02/1982.

Địa chỉ cư trú: xóm Đ, xã M, huyện Y, tỉnh Nghệ An.

Nghề nghiệp: Làm ruộng.(Có mặt)

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Anh T, sinh ngày 24/12/1974.

Địa chỉ cư trú: xóm Đ, xã M, huyện Y, tỉnh Nghệ An

Nghề nghiệp: làm ruộng. (Vắng mặt lần 2 không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo nội dụng đơn khởi kiện, trình bày tại bản tự khai và trình bày của nguyên đơn tại phiên tòa thì vụ án có nội dung :

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Phan Thị T và anh Nguyễn Anh T tổ chức cưới nhau vào tháng 5/2009.Trước khi cưới anh chị có quá trình tìm hiểu hôn nhân trên cơ sở tình yêu và sự tự nguyện, tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán được sự đồng ý của hai gia đình, chứng kiến của bạn bè xóm làng. Trước khi cưới anh chị đã làm thủ tục đăng ký kết hôn tại UBND xã M, huyện Y, tỉnh Nghệ An được cấp

giấy chứng nhận kết hôn số: 83/2009 ngày 12/5/2009. Sau khi kết hôn thì vợ chồng sống hạnh phúc đến đầu năm 2010 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh Nguyễn Anh T không có ý thức xây dựng hạnh phúc hôn nhân bền vững lâu dài, không chịu khó làm ăn, thiếu trách nhiệm với vợ con. Do vậy trong cuộc sống chung vợ chồng có nhiều xung đột va chạm với nhau qua lời nói, hành động và xử sự. Dẫn đến vợ chồng mâu thuẫn ngày càng gay gắt trầm trọng làm mất hết tình cảm, vợ chồng sống thiếu tôn trọng nhau. Mâu thuẫn xẩy ra liên tục trong cuộc sống chung gây tâm lý căng thẳng. Không sống được với nhau vợ chồng sống ly thân và cắt đứt các quan hệ từ tháng 01/2014 cho đến nay vợ chồng không hề liên lạc quan tâm tới nhau nữa. Chị T xác định hôn nhân đã thực sự tan rã, nên chị không yêu cầu hòa giải tại gia đình, ban xóm và chính quyền địa phương. Tại phiên tòa lần nữa chị Phan Thị T xác định không còn tình cảm với anh Nguyễn Anh T nữa, hôn nhân giữa anh chị đã thực sự tan rã không thể hàn gắn, chị T đề nghị tòa án giải quyết ly hôn anh Nguyễn Anh T để ổn định cuộc sống.

-Về quan hệ con chung: Vợ chồng có 01 con chung Nguyễn Minh Anh T(Giới tính: nam), sinh ngày 27/01/2010. Từ ngày vợ chồng sống ly thân con chung của vợ chồng đang được chị T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, anh Nguyễn Anh T không có trách nhiệm gì đối với con chung. Nếu ly hôn chị T đề nghị giao con chung cho chị được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, không yêu cầu anh Nguyễn Anh T cấp dưỡng nuôi con.

-Về quan hệ tài sản: Chị Phan Thị T không yêu cầu tòa giải quyết.

Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án anh Nguyễn Anh T không hợp tác để giải quyết vụ án,Tòa án không thu thập lời khai, ý kiến của anh T để lưu tại hồ sơ vụ án. Nhưng căn cứ vào các tại liệu chứng cứ do chị Phan Thị T cung cấp, xác minh tại địa phương và trình bày của chị T tại đơn khởi kiện và bản tự khai thì về quan hệ hôn nhân, quan hệ con chung nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng cơ bản đúng như chị T đã trình bày.

Tại phiên tòa đại diện viện kiểm sát phát biểu việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký, các đương sự và đề nghị giải quyết vụ án như sau **:**

Thẩm phán tiến hành thụ lý vụ án đúng qui định tại khoản 1 điều 28 điểm a khoản 1 điều 35, khoản 1 điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Thực hiện nhiệm vụ quyền hạn của thẩm phán qui định tại 48, điều 203 của Bộ luật tố tụng dân sự, xác định quan hệ pháp luật tranh chấp, xác định tư cách người tham gia tố tụng theo qui định tại điều 68 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tiến hành thu thập xác minh chứng cứ theo qui định tại chương VII của Bộ luật tố tụng dân sự, làm rõ tình tiết khách quan của vụ án. Thông báo mở phiên họp, kiểm tra giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ; tổ chức mở phiên họp kiểm tra giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải theo qui định tại điều 208; 209; 210; 211 của Bộ luật tố tụng dân sự. Lập biên bản về việc đương sự vắng mặt tại phiên họp và hòa giải theo qui định của pháp luật tố tụng dân sự. Đã chuyển hồ sơ cho viện kiểm sát nghiên cứu theo qui định tại điều 220 của BLTTDS. Thư ký đã thực hiện đúng qui định tại điều 51 của

BLTTDS. Hội đồng xét xử thực hiện đúng qui định tại các Điều 228, 238; 243; 250; 258; 260; 262; 264; 266 và Điều 267 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của các đương sự: Nguyên đơn chấp hành theo đúng qui định tại điều 70; Điều 71 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện quyền nghĩa vụ vụ theo qui định tại điều 70 Điều 72 của Bộ luật tố tụng dân sự

- Về nội dung: Với các tài liệu có trong hồ sơ, thấy rằng yêu cầu của chị Phan Thị T đề nghị giải quyết ly hôn và giải quyết nuôi con đối với anh Nguyễn Anh T là có căn cứ. Căn cứ các Điều 56, 81; 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình, giải quyết cho chị T được ly hôn anh T. Giao con chung của vợ chồng cháu Nguyễn Minh Anh T(Giới tính: nam), sinh ngày 27/01/2010 cho chị T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho anh Nguyên Anh T.

Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26; Điều 27 của nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của ủy ban thường vụ Quốc Hội qui định về mức thu, miễn giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.Chị Phan Thị T phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trong quá trình giải quyết vụ án tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh chị Phan Thị T, anh Nguyễn Anh T, yêu cầu anh, chị có mặt tại Tòa án để giải quyết, nhưng anh T không chấp hành, không hợp tác. Vì vậy, Tòa án đã lập biên bản theo qui định của pháp luật tố tụng dân sự làm cơ sở để giải quyết vụ án.

Tòa án đã tống đạt hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử lần thứ nhất, giấy triệu tập phiên tòa lần thứ nhất đối với các đương sự. Tại phiên tòa lần thứ nhất nguyên đơn chị Phan Thị T có mặt, bị đơn anh Nguyễn Anh T vắng mặt không có lý do, nên Hội đồng xét xử đã quyết định hoãn phiên tòa. Để tiếp tục giải quyết vụ án, Tòa án tiếp tục tống đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Giấy triệu tập phiên tòa lần thứ hai cho chị T và anh T. Tại phiên tòa lần thứ hai nguyên đơn chị Phan Thị T có mặt, bị đơn anh Nguyễn Anh T tiếp tục vắng mặt không có lý do, căn cứ điểm b, khoản 2 Điều 227, khoản 3 điều 228; điểm b khoản 1 Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử, tiến hành xét xử vụ án vắng mặt đối bị đơn.

- Về quan hệ hôn nhân: Điều kiện kết hôn, trình tự thủ tục tiến tới hôn nhân giữa chị Phan Thị T và anh Nguyễn Anh T đảm bảo đúng qui định của pháp luật, việc dẫn tới hôn nhân giữa chị T và anh T là hoàn tự nguyện. Trước khi cưới anh chị đã đăng ký kết hôn tại UBND xã M, huyện Y được cấp giấy chứng nhận kết hôn số: 83/2009 ngày 12/5/2009 qua đó cho thấy hôn nhân giữa chị Phan Thị T và anh Nguyễn Anh T là hôn nhân hợp pháp.

Mâu thuẫn giữa vợ chồng chị T và anh T đã xẩy ra ngày càng trầm trọng và sâu sắc. Nguyên nhân chủ yếu là do vợ chồng không tìm được sự hòa hợp trong hôn nhân, một bên không có ý thức xây dựng hôn nhân bền vững, nên đã cự cải va chạm với nhau qua lời nói và xử sự thiếu tôn trọng nhau dẫn đến hôn nhân đổ vỡ, vợ chồng hoàn toàn mất hết tình cảm với nhau. Sau khi các bên sống ly thân vợ chồng đều không có ý thức níu kéo hôn nhân để đoàn tụ mà đã cắt đứt các quan hệ vợ chồng, không thương yêu quan tâm đến nhau, các bên đã hoàn toàn mất hết tình cảm đối với nhau. Qua đó cho thấy hạnh phúc hôn nhân giữa chị T và anh T không còn còn gắn kết, hôn nhân đã thực sự đổ vỡ, tan rã không thể hàn gắn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Chị Phan Thị T yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Nguyễn Anh T là có căn cứ, cần xử chấp nhận yêu cầu của chị.

- Về quan hệ con chung: Từ ngày vợ chồng sống ly thân con chung của vợ chồng cháu Nguyễn Minh Anh T(giới tính: nam), sinh ngày 27/01/2010 được chị T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Quá trình xác minh tại địa phương thì thấy rằng chị T nuôi, dạy con ngoan thể hiện người mẹ có trách nhiệm cao đối với con chung. Hơn nữa con chung cũng có nguyện vọng được sinh sống trực tiếp với mẹ. Do vậy chị Thuận đề nghị giao con chung cho chị được trực tiếp nuôi dưỡng là đúng, đảm bảo quyền lợi con chung của vợ chồng, nên cần chấp nhận về việc đề nghị giao nuôi con của chị Phan Thị T.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Chị Phan Thị T không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con nên tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho anh T cho đến lúc có yêu cầu.

- Về quan hệ tài sản chung: Chị Phan Thị T không yêu cầu Toà án giải quyết, nên miễn xét.

- Về án phí: Buộc chị Phan Thị T phải nộp án phí sơ thẩm theo qui định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ vào Điều 56, 81; 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình.

Xử:

* Về quan hệ tình cảm: Chị Phan Thị T được ly hôn anh Nguyễn Anh T.

* Về quan hệ con chung: Giao cháu Nguyễn Minh Anh T(giới tính: nam), sinh ngày 27/01/2010 cho chị Phan Thị T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cho đến lúc con chung đủ tuổi trưởng thành.

Anh Nguyễn Anh T không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ đi thăm nom chăm sóc con chung không ai được cản trở.

Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho anh Nguyễn Anh T cho đến lúc có yêu cầu.

*Về án phí: Áp dụng điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự: Điều 26: Điều 27 của nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội qui định về mức thu, miễn giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

- Buộc**:** Buộc chị Phan Thị T phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm. Nhưng được tính trừ 300.000đ(Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí ly hôn chị đã nộp theo biên lai số: 0006651 ngày 06/11/2017của Chi cục thi hành án dân sự huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An. Chị Phan Thị T đã nộp đủ án phí.

Nguyên đơn có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án do Tòa án tống đạt.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

(Đã ký)

Vũ Anh Ngọc

Nơi nhận:
- Các đương sự,
- VKSND H. Yên Thành.
- CC THA DS H. Yên Thành.
- TAND tỉnh Nghệ An
- Lưu HSVA